TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20-4-2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Tiền Giang;

2. Bà Huỳnh Anh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bồ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXX-ST ngày 05 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị D, sinh năm 1969; nơi thường trú: Tổ B, khu phố M, phường T, thị xã (nay là thành phố) U, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nông Văn M, sinh năm 1964; nơi thường trú: Tổ B, khu phố M, phường T, thị xã (nay là thành phố) U, tỉnh Bình Dương; xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phạm Thị D trình bày: Bà D và ông Nông Văn M tự tìm hiểu nhau được hai bên gia đình đồng ý, tiến đến hôn nhân vào năm 1986 nhưng đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thị xã C, tỉnh Bắc Cạn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 15/12/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, vợ chồng thường xuyên cãi vã nên tình cảm không còn, vợ

chồng sống chung nhà nhưng không còn quan tâm nhau, mạnh ai người đó sống nhưng thương các con và muốn giữ cho con một gia đình đủ cha lẫn mẹ nên bà D cố gắng chịu đựng. Đến nay, các con đã trưởng thành, có gia đình riêng, bà D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông Nông Văn M.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nông Văn Ng, sinh năm 1992 và Nông Thị Thúy Ng, sinh năm 1995. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nông Văn M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập đúng quy định pháp luật nhưng ông M không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Tuy nhiên, ông M có nộp bản tự khai trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà D: Ông M và bà D tìm hiểu nhau qua bạn bè mai mối, được gia đình đồng ý, có tổ chức lễ cưới vào năm 1986 nhưng đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thị xã C, tỉnh Bắc Cạn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 15/12/2002. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc nhưng qua thời gian chung sống và sinh con, kinh tế không ổn định, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trong công việc dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm nên đã ly thân không còn quan tâm nhau, không còn gì để níu kéo nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông M ly hôn với bà D. Về con chung: Có 02 con chung tên Nông Văn Ng, sinh năm 1992 và Nông Thị Thúy Ng, sinh năm 1995. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên. Đối với bị đơn vắng mặt nhưng đã có lời khai trình bày ý kiến và có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Bà Phạm Thị D và ông Nông Văn M cùng xác nhận vợ chồng chung sống từ năm 1986 đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thị xã C, tỉnh Bắc Cạn theo Giấy chứng nhận kết hôn số

53 ngày 15/12/2002 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Về quan hệ hôn nhân, bà D và ông M xác nhận vợ chồng đã ly thân, không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị D có đơn yêu cầu ly hôn với ông Nông Văn M nên đây là vụ án "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông Nông Văn M thường trú, sinh sống tại địa chỉ: Tổ B, khu phố M, phường T, thị xã (nay là thành phố) U, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Nông Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông M xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án vắng mặt ông M theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị D và ông Nông Văn M tự tìm hiểu và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thị xã C, tỉnh Bắc Cạn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 15/12/2002 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét mâu thuẫn vợ chồng bà D và ông M không còn sống chung, vợ chồng tự chăm lo cho cuộc sống của bản thân, không còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên tình yêu thương, trách nhiệm, nghĩa vụ, sự quan tâm, chăm sóc nhau. Tuy nhiên, bà D và ông M xác nhận tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, việc bà D yêu cầu ly hôn với ông M là có cơ sở phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Có 02 con chung tên Nông Văn Ng, sinh năm 1992 và Nông Thị Thúy Ng, sinh năm 1995. Các con đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân phường T về tình trạng hôn nhân của bà Phạm Thị D và ông Nông Văn M thì được chính quyền địa phương cho biết bà D, ông M có hộ khẩu thường trú tại tổ B, khu phố M, phường T. Tuy nhiên, mâu thuẫn của vợ chồng bà D, ông M thì địa phương không rõ, quá trình chung sống bà D, ông M không có đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết, hòa giải về hôn nhân. Do vậy, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[8] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị D phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị D về việc ly hôn với bị đơn ông Nông Văn M.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị D được ly hôn với ông Nông Văn M.

1.2. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0007435 ngày

08/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Bích Hạnh